

Số: 29.../SGD ĐN

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2021

V/v thay đổi thông tin BCTC năm 2020

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng xin giải trình về việc điều chỉnh thông tin Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Thông tin trước điều chỉnh (trang 2 Báo cáo tài chính năm 2020)

**Hội đồng quản trị**

- |                          |          |                              |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Tô Thanh Bình      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Ông Lý Xuân Hoàn       | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Ông Nguyễn Thế Dũng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Bà Phạm Lê Bích Ngọc   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |

Thông tin sau điều chỉnh (trang 2 Báo cáo tài chính năm 2020)

**Hội đồng quản trị**

- |                          |          |                              |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Tô Thanh Bình      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Ông Lý Xuân Hoàn       | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Ông Nguyễn Duy Nhân    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28/04/2020     |
| • Bà Phạm Lê Bích Ngọc   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |

Vậy Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng xin thông báo thông tin thay đổi để Quý đơn vị được biết.

Trân trọng cảm ơn. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP





**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO  
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/05/2019.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

**Vốn điều lệ:** 14.986.800.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020:** 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3886497 - Fax: (84) 0236.3887793
- Website: [www.sachgiaoduc.com](http://www.sachgiaoduc.com)

### **Văn phòng giao dịch**

- Địa chỉ: 39 Trịnh Đình Thảo, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3797975 - Fax: (84) 0236.3797971

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2020 là 24 người, trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                          |          |                              |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Tô Thanh Bình      | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Ông Lý Xuân Hoàn       | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |
| • Ông Nguyễn Duy Nhân    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28/04/2020     |
| • Bà Phạm Lê Bích Ngọc   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |

### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đặng Công Đức     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Bà Phan Thị Hàn Phong | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019     |
| • Bà Đặng Thị Trang     | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019 |

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                          |                |  |
|--------------------------|----------------|--|
| • Ông Lý Xuân Hoàn       | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 20/04/2019                                   |
| • Ông Nguyễn Thế Dũng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019<br>Miễn nhiệm ngày 30/11/2020 |
| • Ông Phan Văn Hải       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 01/12/2020                                   |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019                               |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



**Lý Xuân Hoàn**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

1191 54 20 1011



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 113/2021/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 16/02/2021 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:  
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

**Dương Thị Vân Thanh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2021-010-1

■ Chi nhánh tại Hà Nội:  
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.251.551.721</b>	<b>36.116.408.610</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>15.167.511.421</b>	<b>3.442.080.731</b>
1. Tiền	111		15.167.511.421	3.442.080.731
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.226.907.570</b>	<b>12.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	4.226.907.570	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.c	4.000.000.000	12.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.451.943.844</b>	<b>8.183.801.808</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.111.236.844	8.138.491.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.000.000	26.532.764
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	155.660.088	580.890.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(817.953.088)	(562.112.578)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>5.877.892.627</b>	<b>11.616.515.029</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.678.914.554	13.007.524.282
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(801.021.927)	(1.391.009.253)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>527.296.259</b>	<b>874.011.042</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	480.434.453	796.348.138
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	46.861.806	77.662.904
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.185.823.609</b>	<b>7.070.844.432</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.497.774.967</b>	<b>3.424.086.077</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.169.629.283	1.923.686.077
- Nguyên giá	222		7.084.443.163	5.649.084.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.914.813.880)	(3.725.398.295)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.328.145.684	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		8.328.145.684	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.b</b>	<b>593.390.084</b>	<b>2.587.407.567</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		593.390.084	3.167.516.709
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(580.109.142)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.094.658.558</b>	<b>1.059.350.788</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	1.094.658.558	1.059.350.788
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>50.437.375.330</b>	<b>43.187.253.042</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.680.423.212</b>	<b>8.002.270.927</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.671.423.212</b>	<b>7.695.470.101</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.a	4.664.377.281	1.599.554.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		58.732.710	42.927.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	29.758.026	75.310.292
4. Phải trả người lao động	314		1.652.467.273	1.218.614.751
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	-	526.900.971
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.a	2.239.098.687	3.744.070.614
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.224.399.118	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		802.590.117	488.091.206
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.000.000</b>	<b>306.800.826</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	14.b	-	297.800.826
2. Phải trả dài hạn khác	337	17.b	9.000.000	9.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.756.952.118</b>	<b>35.184.982.115</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>36.756.952.118</b>	<b>35.184.982.115</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	2.562.527.956	2.320.463.444
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	16.347.897.963	15.017.992.472
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	12.620.104.472	11.482.644.226
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	3.727.793.491	3.535.348.246
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>50.437.375.330</b>	<b>43.187.253.042</b>



Giám đốc

Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	53.516.302.560	64.013.498.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.285.035.668	1.023.889.675
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		52.231.266.892	62.989.609.018
4. Giá vốn hàng bán	11	23	36.185.888.537	45.530.936.168
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.045.378.355</b>	<b>17.458.672.850</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.222.247.592	1.024.730.621
7. Chi phí tài chính	22	25	362.276.446	609.730.605
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	68.389.253	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	4.690.002.778	4.653.862.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	7.530.277.449	7.475.376.958
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.685.069.274</b>	<b>5.744.433.048</b>
11. Thu nhập khác	31		10.210.909	26.238.591
12. Chi phí khác	32		17.198.465	45.325.968
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(6.987.556)</b>	<b>(19.087.377)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.678.081.718</b>	<b>5.725.345.671</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	836.791.471	1.133.984.312
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>4.841.290.247</b>	<b>4.591.361.359</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.649	2.512
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	2.649	2.512



Giám đốc

Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		69.505.593.930	65.187.762.739
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(55.267.224.999)	(53.097.466.630)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.424.677.195)	(4.611.276.095)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	25	(68.389.253)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(805.990.373)	(1.149.938.368)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		925.904.449	1.387.046.820
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.150.998.785)	(2.905.578.766)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.714.217.774</b>	<b>4.810.549.700</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12,13	(8.263.104.475)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6c	(6.000.000.000)	(12.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6c	14.000.000.000	8.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.442.160)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.549.900.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 24	899.348.433	417.033.039
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.184.701.798</b>	<b>(3.582.966.961)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	14.915.898.678	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(10.691.499.560)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19d	(2.397.888.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.826.511.118</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>11.725.430.690</b>	<b>1.227.582.739</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	3.442.080.731	2.214.497.992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>15.167.511.421</b>	<b>3.442.080.731</b>



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/05/2019.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

#### 1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ

#### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản

Nhà cửa vật kiến trúc

Thời gian khấu hao (năm)

25

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong niên độ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính Phủ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	4.970.052	45.881.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.916.962.311	3.396.198.749
Tiền đang chuyển	4.245.579.058	-
<b>Cộng</b>	<b>15.167.511.421</b>	<b>3.442.080.731</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

STT	31/12/2020				01/01/2020			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	<b>443.000</b>	<b>4.226.907.570</b>	<b>4.246.300.000</b>	-	-	-	-	-
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	43.000	1.210.112.451	1.208.300.000	-	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	200.000	1.445.815.479	1.468.000.000	-	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Đầu tư LDG	200.000	1.570.979.640	1.570.000.000	-	-	-	-
			-	-				
	<b>Cộng</b>	<b>443.000</b>	<b>4.226.907.570</b>	<b>4.246.300.000</b>	-	-	-	-

- (i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2020			01/01/2020		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,01%	94	1.086.084	-	1.504.000	118.937.709	-	185.292.000
- Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh (STC)	Đang hoạt động		-	-	-	-	456.275.000	95.885.000	360.390.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động		-	-	-	-	2.000.000.000	484.224.142	-
<b>Cộng</b>				<b>593.390.084</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.167.516.709</b>	<b>580.109.142</b>	<b>-</b>

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Báo cáo tài chính năm 2020 của các Công ty nhận đầu tư này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, không phát sinh dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 năm	-	12.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.000.000.000</u></b>	<b><u>12.000.000.000</u></b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	779.955.900	1.171.402.460
Nhà sách Yên Công	1.996.152.163	1.670.281.343
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Thanh Hoa	969.246.490	467.545.370
Công ty CP Quốc tế Việt Kim Long	500.000.147	500.000.147
Phòng Giáo dục tiểu học - Sở GD & ĐT TT.Huế	588.516.354	1.928.179.354
Các đối tượng khác	3.277.365.790	2.401.082.948
<b>Cộng</b>	<b><u>8.111.236.844</u></b>	<b><u>8.138.491.622</u></b>

#### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	779.955.900	1.171.402.460
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	44.893.881	730.436.741
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	561.108.876	214.763.219
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư	16.229.890	10.971.970
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	161.098.680	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Chung công ty đầu tư	572.313.410	134.100.080
<b>Cộng</b>		<b><u>2.135.600.637</u></b>	<b><u>2.261.674.470</u></b>

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	62.597.260	-	464.400.000	-
Tạm ứng	77.000.000	-	78.400.000	-
Cổ tức phải thu theo thông báo	-	-	38.090.000	-
Phải thu khác	16.062.828	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>155.660.088</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>580.890.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	817.953.088	562.112.578
- Từ 3 năm trở lên	284.968.627	284.968.627
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	238.852.535	58.447.634
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	117.577.020	148.150.105
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	176.554.906	70.546.212
<b>Cộng</b>	<b><u>817.953.088</u></b>	<b><u>562.112.578</u></b>

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.186.614.833	-	5.745.584.292	-
Chi phí SX, KD dở dang	665.460.116	-	922.499.032	-
Thành phẩm	3.826.839.605	801.021.927	6.339.440.958	1.391.009.253
<b>Cộng</b>	<b><u>6.678.914.554</u></b>	<b><u>801.021.927</u></b>	<b><u>13.007.524.282</u></b>	<b><u>1.391.009.253</u></b>

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2020.

**11. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	149.646.423	26.903.030
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	304.693.680	660.991.674
Chi phí khác	26.094.350	108.453.434
<b>Cộng</b>	<b><u>480.434.453</u></b>	<b><u>796.348.138</u></b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí tổ chức bản thảo	1.094.658.558	1.059.350.788
<b>Cộng</b>	<b><u>1.094.658.558</u></b>	<b><u>1.059.350.788</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.697.596.119	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	5.649.084.372
Mua sắm trong năm	1.435.358.791	-	-	-	1.435.358.791
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.132.954.910</b>	<b>38.850.000</b>	<b>1.814.547.344</b>	<b>98.090.909</b>	<b>7.084.443.163</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	1.773.910.042	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	3.725.398.295
Khấu hao trong năm	189.415.585	-	-	-	189.415.585
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.963.325.627</b>	<b>38.850.000</b>	<b>1.814.547.344</b>	<b>98.090.909</b>	<b>3.914.813.880</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	1.923.686.077	-	-	-	1.923.686.077
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.169.629.283</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.169.629.283</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.951.488.253 đồng.

### 13. Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài, cụ thể:

- Tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 1.500.400.000 đồng.
- Tại 39 Trịnh Đình Thảo, Thành phố Đà Nẵng, nguyên giá: 6.827.745.684 đồng.

Công ty không trích khấu hao đối với các tài sản cố định vô hình này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Phải trả người bán

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.388.161.509	148.900.412
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	875.000.000	521.747.500
Công ty CP Sản xuất Thương mại Mê Kông	-	662.723.160
Các đối tượng khác	2.401.215.772	266.183.507
<b>Cộng</b>	<b>4.664.377.281</b>	<b>1.599.554.579</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	297.800.826
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>297.800.826</b>

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan là:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.388.161.509	446.701.238
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	875.000.000	521.747.500
Công ty CP In-PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	14.679.530	1.559.000
<b>Cộng</b>		<b>2.277.841.039</b>	<b>970.007.738</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	27.429.815	38.397.712	55.866.191	-	9.961.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.662.904	-	836.791.471	805.990.373	46.861.806	-
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	-	26.755.121	177.090.827	194.093.475	-	9.752.473
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.125.356	80.920.671	92.001.810	-	10.044.217
Các loại thuế khác	-	-	1.269.356	1.269.356	-	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>77.662.904</b>	<b>75.310.292</b>	<b>1.137.470.037</b>	<b>1.152.221.205</b>	<b>46.861.806</b>	<b>29.758.026</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo	-	526.900.971
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>526.900.971</b>

### 17. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	22.159.814	5.006.890
Chi phí tổ chức bán thảo	2.116.252.500	3.627.874.570
Cổ tức phải trả	9.255	9.255
Phải trả khác	100.677.118	111.179.899
<b>Cộng</b>	<b>2.239.098.687</b>	<b>3.744.070.614</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền ký cược của các Nhà sách	9.000.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	14.915.898.678	10.691.499.560	4.224.399.118
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (*)	-	14.915.898.678	10.691.499.560	4.224.399.118
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>14.915.898.678</b>	<b>10.691.499.560</b>	<b>4.224.399.118</b>

(\*) Vay ngắn hạn Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng theo Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 007C410000/HĐMTKGDKQ/Vietinbank Securities ngày 11/08/2020. Các khoản vay nhằm mục đích thanh toán cho các giao dịch mua chứng khoán. Thời hạn vay: 90 ngày từ khi giải ngân. Lãi suất cho vay: Quy định từng thời điểm. Tài sản đảm bảo là các chứng khoán công ty đang nắm giữ tại thời điểm vay.

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	14.986.800.000	2.859.726.199	2.090.895.376	11.482.644.226
Tăng trong năm	-	-	229.568.068	4.591.361.359
Giảm trong năm	-	-	-	1.056.013.113
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>2.859.726.199</b>	<b>2.320.463.444</b>	<b>15.017.992.472</b>
Số dư tại 01/01/2020	14.986.800.000	2.859.726.199	2.320.463.444	15.017.992.472
Tăng trong năm	-	-	242.064.512	4.841.290.247
Giảm trong năm	-	-	-	3.511.384.756
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>2.859.726.199</b>	<b>2.562.527.956</b>	<b>16.347.897.963</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
<b>Cộng</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>14.986.800.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	15.017.992.472	11.482.644.226
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	4.841.290.247	4.591.361.359
Phân phối lợi nhuận	3.511.384.756	1.056.013.113
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.397.888.000	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông (16%)	2.397.888.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	1.113.496.756	1.056.013.113
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	242.064.512	229.568.068
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	242.064.512	229.568.068
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (13%)	629.367.732	596.876.977
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>16.347.897.963</b>	<b>15.017.992.472</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-DAEBCO ngày 28/04/2020.

### 20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
Nợ khó đòi đã xử lý	107.291.300	107.291.300
+ Công ty In - Phát hành sách và Thiết bị Quảng Ngãi	107.291.300	107.291.300

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa	26.120.348	5.081.796.731
Doanh thu sách bổ trợ	4.743.371.976	5.298.023.574
Doanh thu sách tham khảo	45.684.453.916	50.287.307.616
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	3.062.356.320	3.346.370.772
<b>Cộng</b>	<b>53.516.302.560</b>	<b>64.013.498.693</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Chiết khấu thương mại	1.011.922.288	958.018.895
Hàng bán bị trả lại	273.113.380	65.870.780
<b>Cộng</b>	<b>1.285.035.668</b>	<b>1.023.889.675</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa	44.965.358	4.783.484.689
Giá vốn sách bổ trợ	3.181.570.491	3.406.045.213
Giá vốn sách tham khảo	29.388.366.078	32.935.122.438
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	2.749.792.553	2.975.700.580
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	1.411.181.383	1.525.472.825
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(589.987.326)	(94.889.577)
<b>Cộng</b>	<b>36.185.888.537</b>	<b>45.530.936.168</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	335.431.293	573.672.535
Chiết khấu thanh toán được hưởng	52.971.760	250.966.486
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.024.400	200.091.600
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.674.671.764	-
Lãi từ bán khoản đầu tư dài hạn	35.148.375	-
<b>Cộng</b>	<b>2.222.247.592</b>	<b>1.024.730.621</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	68.389.253	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	204.845.410	249.536.462
Phí bán chứng khoán kinh doanh	27.411.662	-
Lỗ từ bán khoản đầu tư dài hạn	60.817.160	-
Trích lập/Hoàn nhập Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(580.109.142)	360.194.143
Chi phí tài chính khác	580.922.103	-
<b>Cộng</b>	<b>362.276.446</b>	<b>609.730.605</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương	3.122.944.943	2.834.046.107
Chi phí vận chuyển sách	754.857.765	888.390.544
Chi phí thuê kho	381.818.180	381.818.180
Tuyên truyền, quảng cáo	430.381.890	549.608.029
<b>Cộng</b>	<b>4.690.002.778</b>	<b>4.653.862.860</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	3.148.368.088	2.960.800.567
Khấu hao TSCĐ	189.415.585	147.903.840
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	398.982.002	215.563.652
Giao dịch, hội nghị	1.123.362.174	1.394.589.253
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	255.840.510	2.509.424.841
Chi phí khác	2.414.309.090	247.094.805
<b>Cộng</b>	<b>7.530.277.449</b>	<b>7.475.376.958</b>

### 27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.678.081.718	5.725.345.671
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	6.124.065	(55.424.112)
- Điều chỉnh tăng	130.148.465	144.667.488
+Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	112.950.000	98.439.000
+Chi phí không được trừ khác	17.198.465	46.228.488
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	124.024.400	200.091.600
Tổng thu nhập chịu thuế	5.684.205.783	5.669.921.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.136.841.157	1.133.984.312
Thuế TNDN được giảm theo NĐ 114/2020/NĐ-CP	341.052.347	-
Thuế TNDN còn phải nộp	795.788.810	1.133.984.312
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>836.791.471</b>	<b>1.133.984.312</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	795.788.810	1.133.984.312
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	41.002.661	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.841.290.247	4.591.361.359
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(871.432.244)	(826.445.045)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành)	871.432.244	826.445.045
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.969.858.003	3.764.916.314
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.649</b>	<b>2.512</b>

**29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.317.856.653	9.895.374.673
Chi phí nhân công	6.272.783.031	5.794.846.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.415.585	147.903.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.942.154.570	18.015.839.500
Chi phí khác bằng tiền	1.407.065.188	1.199.751.038
<b>Cộng</b>	<b>31.129.275.027</b>	<b>35.053.715.725</b>

**30. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**31. Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá; rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá và lãi suất.

### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn có cửa hàng bán lẻ thu tiền ngay. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

*Đơn vị tính: VND*

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.664.377.281	-	4.664.377.281
Vay và nợ thuê tài chính	4.224.399.118	-	4.224.399.118
Phải trả khác	2.216.938.873	9.000.000	2.225.938.873
<b>Cộng</b>	<b>11.105.715.272</b>	<b>9.000.000</b>	<b>11.114.715.272</b>
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.599.554.579	297.800.826	1.897.355.405
Chi phí phải trả	526.900.971	-	526.900.971
Phải trả khác	3.739.063.724	9.000.000	3.748.063.724
<b>Cộng</b>	<b>5.865.519.274</b>	<b>306.800.826</b>	<b>6.172.320.100</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.167.511.421	-	15.167.511.421
Đầu tư tài chính	8.226.907.570	593.390.084	8.820.297.654
Phải thu khách hàng	7.293.283.756	-	7.293.283.756
Phải thu khác	78.660.088	-	78.660.088
<b>Cộng</b>	<b>30.766.362.835</b>	<b>593.390.084</b>	<b>31.359.752.919</b>
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.442.080.731	-	3.442.080.731
Đầu tư tài chính	12.000.000.000	2.587.407.567	14.587.407.567
Phải thu khách hàng	7.576.379.044	-	7.576.379.044
Phải thu khác	502.490.000	-	502.490.000
<b>Cộng</b>	<b>23.520.949.775</b>	<b>2.587.407.567</b>	<b>26.108.357.342</b>

### 32. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Trường PTCN Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2019
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB,thuê kho	2.138.761.827	2.516.835.449
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	In gia công	2.030.298.215	1.997.948.877
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tổ chức bản thảo	8.792.703.401	7.548.161.058
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Tập bản đồ, Atlas	2.467.588.000	3.078.500.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	1.321.703.500	2.175.355.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Mua sách tham khảo	7.027.194.520	4.968.256.560
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	-	44.781.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	1.299.534.800	3.179.750.501
Công ty CP ĐT&PT Trường PTCN Giáo dục	Sách CNGD	-	5.593.517.660
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Mua Sách giáo khoa	612.709.210	760.603.037
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Cung ứng sách	-	30.603.060
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	2.213.136.660	3.024.685.850
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	7.287.593.880	12.384.841.620
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	5.005.581.376	5.794.012.870
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	170.024.420	99.750.760
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	73.574.920	168.367.760
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	82.889.960	142.248.612
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	410.917.880	352.516.320
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Cung ứng sách	83.083.040	98.081.280
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	1.536.787.730	2.180.258.530
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	3.042.597.440	714.375.430

### c. Các giao dịch khác

		Năm 2020	Năm 2019
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành	Thù lao	190.880.000	188.709.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	1.245.519.000	1.183.130.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

*Ly Xuân Hoàn*  
Ly Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình